

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 294/2020/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 02 tháng 01 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đặt tên đường và công trình công cộng
trên địa bàn thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

VP. SỐ QĐ. TT. TỈNH KG
ĐẾN SỐ: 83
Ngày: 02/01/20
Chuyển: web

Me Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 76/BC-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang

Tổng số có 61 tên đường, trong đó có 57 tên đường mới, 04 tên đường nối dài và 08 công trình công cộng (Có danh sách tên đường và công trình công cộng kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ Mười sáu thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 01 năm 2020. *[Handwritten signature]*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: QH, CP, CTN;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND huyện cấp;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lãnh đạo VP, các phòng, chuyên viên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đặng Tuyết Em

DANH SÁCH
TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 294/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG: 08

Số thứ tự	Tên công trình công cộng	Diện tích (m ²)	Vị trí	Giới hạn công trình
1	Quảng trường Chiêu Anh Các	15.882	Khu phố 1, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	Được giới hạn các đường: Bạch Đằng, Tham Tướng Sanh, Tuần Phủ Đạt, Mạc Công Du, Mạc Tử Hoàng
2	Công viên Trần Hữu	30.803	Khu phố 1, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	Được giới hạn các đường: Trần Hữu, Phương Thành, Đông Hồ và mặt nước cửa sông Giang Thành
3	Công viên Văn Hóa Bình San	26.408	Khu phố 4, phường Bình San, thành phố Hà Tiên	Được giới hạn các đường: Nguyễn Phúc Chu, Mạc Công Nương, Phù Dung
4	Công viên Tao Đàn	5.807	Khu phố 5, phường Bình San, thành phố Hà Tiên	Được giới hạn các đường: Phù Dung, Mạc Như Đông, Phan Văn Trị, Chiêu Anh Các
5	Công viên Hòa Bình	34.253	Khu phố 2, phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên	Được giới hạn các đường: Tỉnh Lộ 28 và giáp khu dân cư hiện hữu.
6	Công viên Kim Dự	10.158	Khu phố 2, phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên	Được giới hạn các đường: Võ Văn Kiệt, Trường Sa và mặt nước biển.
7	Công viên Mạc Cửu	6.267	Khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên	Được giới hạn các đường: Nguyễn Phúc Chu, Ông Ích Đường, 2/9
8	Công viên Trần Công Án	2.821	Khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên	Được giới hạn các đường: Cách Mạng Tháng 8, Đặng Văn Ngữ, Châu Văn Liêm



B. TÊN ĐƯỜNG: 61 (57 tên đường mới và 04 tên đường nối dài)

Số thứ tự	Tên đường	Chiều dài (m)	Chiều rộng			Giới hạn đường
			Mặt đường (m)	Via hè (m)	Lộ giới (m)	
I	Phường Đông Hồ: 02 tên đường mới					
1	Nguyễn Công Trứ	587	9	3	15	Từ đường Phương Thành đến đường Rạch Ụ
2	Chương Dương	618	7	5	17	Kênh Rạch Ụ đến đường Mường Đào
II	Phường Bình San: 02 tên đường nối dài					
1	Phù Dung	65	9	7	23	Từ đường Lê Lai đến đường Thoại Ngọc Hầu
2	Mạc Tử Dung	65	6	5	16	Từ đường Lê Lai đến đường Thoại Ngọc Hầu
III	Phường Pháo Đài: 46 (45 tên đường mới và 01 tên đường nối dài)					
1	Võ Văn Kiệt	2.297	18	3-7	28	Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến nút giao đường Hà Huy Giáp + Nguyễn Văn Cừ
2	Nguyễn Huệ	836	18	6	30	Từ Tinh Lộ 28 đến đường Võ Văn Kiệt
3	Đình Tiên Hoàng	804	18	6	30	Từ Tinh Lộ 28 đến nút giao Huỳnh Thúc Kháng + Nguyễn Thị Minh Khai
4	Lê Lợi	781	18	6	30	Từ Tinh Lộ 28 đến nút giao đường Triệu Thị

						Trinh + Huỳnh Thúc Kháng
5	Nguyễn Văn Cừ	2.290	10,5	5	20,5	Từ nút giao đường Võ Văn Kiệt + Hà Huy Giáp đến nút giao đường Võ Văn Kiệt + Trường Sa
6	Trần Phú	1.741	10,5	5	20,5	Từ đường Võ Văn Kiệt đến nút giao đường Trần Văn Ôn + Võ Văn Kiệt
7	Nguyễn Thị Minh Khai	1.090	7,5	5	17,5	Từ đường Võ Văn Kiệt đến nút giao đường Trần Khánh Dư + Võ Văn Kiệt
8	Hai Bà Trưng	863	7,5	4-6	17,5	Từ đường Võ Văn Kiệt đến nút giao đường Võ Văn Kiệt + Lê Hồng Phong
9	Triệu Thị Trinh	702	7,5	4-6	17,5	Từ đường Võ Văn Kiệt theo vòng cung đến đường Võ Văn Kiệt
10	Lê Hồng Phong	507	10,5	5	20,5	Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến nút giao đường Hai Bà Trưng + Võ Văn Kiệt
11	Lê Quý Đôn	488	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trương Định
12	Bùi Thị Xuân	421	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Khánh Dư
13	Phan Thanh Giản	371	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Nguyễn Thị Minh Khai

14	Võ Thị Sáu	363	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Nguyễn Thị Minh Khai
15	Trần Khánh Dư	360	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến nút giao đường Nguyễn Thị Minh Khai + Võ Văn Kiệt
16	Huỳnh Thúc Kháng	353	7,5	5	17,5	Từ nút giao đường Trường Chinh + Nguyễn Thị Minh Khai đến nút giao Đinh Tiên Hoàng + Nguyễn Thị Minh Khai
17	Trần Quang Diệu	344	7,5	5	17,5	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Võ Văn Kiệt
18	Nguyễn Bình Khiêm	329	5	4	13	Từ đường Tú Xương đến đường Nguyễn Thị Định
19	Trần Bình Trọng	314	5	4	13	Từ đường Trần Phú đến nút giao đường Nguyễn Thị Minh Khai + Trương Định
20	Tú Xương	310	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Nguyễn Thị Minh Khai
21	Phạm Hồng Thái	288	5	4	13	Từ đường Tú Xương đến đường Võ Thị Sáu
22	Trần Đại Nghĩa	280	5	4	13	Từ đường Trần Văn Ôn đến đường Lê Lợi
23	Cao Thắng	278	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Nguyễn Thị Minh Khai

						Khai
24	Nguyễn Bính	261,8	10,5	5	20,5	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Nguyễn Thị Minh Khai
25	Chu Văn An	260	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Nguyễn Thị Minh Khai
26	Phan Đình Phùng	252	5	4	13	Từ đường Phan Thanh Giản đến đường Cao Thắng
27	Nguyễn Hữu Cảnh	251	5	4	13	Từ đường Phan Thanh Giản đến đường Cao Thắng
28	Nguyễn Thị Định	201	7,5	5	17,5	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Phú
29	Ngô Thị Nhậm	196	5	4	13	Từ đường Phan Thanh Giản đến đường Cao Thắng
30	Đình Công Tráng	183	7,5	4	15,5	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Phú
31	Tôn Thất Tùng	179	5	4	13	Từ đường Nguyễn Bính đến đường Chu Văn An
32	Tổ Hữu	177	5	4	13	Từ đường Tú Xương đến đường Võ Thị Sáu
33	Trần Quang Khải	173	5	4	13	Từ đường Võ Văn Kiệt đến đường Lê Lợi
34	Tôn Thất Thuyết	169	5	4	13	Từ đường Trần Khánh Dư đến đường Trần Quang Diệu



35	Trần Văn Ôn	161	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Võ Văn Kiệt
36	Phan Đình Giót	133	7,5	5	17,5	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Võ Văn Kiệt
37	Đào Duy Anh	133	5	4	13	Từ đường Trần Văn Ôn đến đường Lê Quý Đôn
38	Trần Huy Liệu	133	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Tôn Thất Thuyết
39	Phan Huy Chú	121,4	7,5	5	17,5	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Phú
40	Đặng Thai Mai	120	5	4	13	Từ đường Phan Huy Chú đến đường Chu Văn An
41	Phạm Ngọc Thạch	119,5	5	4	13	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Đại Nghĩa
42	Trương Định	112	5	4	13	Từ đường Võ Văn Kiệt đến nút giao đường Nguyễn Thị Minh Khai + Trần Bình Trọng
43	Tôn Thất Thiệp	76	5	4	13	Từ đường Trần Khánh Dư đến đường Trần Huy Liệu
44	Núi Đền	3.907	9	2,5	14	Từ Tỉnh Lộ 28 đến Công trường Khu du lịch Mũi Nai
45	Hà Huy Giáp	1.593	9	2,5	14	Từ đường Núi Đền đến nút giao đường Nguyễn Văn Cừ + Võ Văn Kiệt

46	Trường Sa	314	7	3	13	Từ chân cầu Tô Châu đến nút giao đường Nguyễn Văn Cừ + Võ Văn Kiệt
IV	Phường Tô Châu: 06 tên đường mới					
1	Văn Tiến Dũng	1.320	9	4	17	Từ đường Hoàng Văn Thái đến đường Nam Hồ
2	Hoàng Văn Thái	703	8	5	18	Từ đường Lê Trọng Tấn đến đường Trần Văn Trà
3	Lê Trọng Tấn	484	9	3	15	Từ đường Trần Công Ân đến đường Nguyễn Phúc Chu
4	Trần Văn Trà	327	8	5	18	Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Hoàng Văn Thái
5	Nguyễn Sơn	130	7,5	3	13,5	Từ đường Cách Mạng tháng 8 đến đường Nguyễn Văn Trỗi
6	Nguyễn Đệ	116	7,5	3	13,5	Từ đường Cách Mạng tháng 8 đến đường Nguyễn Văn Trỗi
V	Phường Mỹ Đức: 05 (04 tên đường mới và 01 tên đường nối dài)					
1	Đá Dựng	4.598	14,5	2,7	19,9	Từ Quốc Lộ 80 đến bãi xe Khu du lịch Thạch Động
2	Nguyễn Phúc Chu	4.264	32	4	40	Từ Công viên Mũi Tàu Mỹ Đức đến Cửa khẩu Xà Xía
3	Tô Vĩnh Diện	3.043	10	5	20	Từ Tỉnh Lộ 28 đến cột

						mốc 314
4	La Văn Cầu	1.513	22	9	40	Từ đường Tô Vĩnh Diện đến Đồn Cửa khẩu Xà Xía
5	Nguyễn Việt Xuân	1.498	10,5	5	20,5	Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến đường Tô Vĩnh Diện